

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Ông Phan Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1106/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970;

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Số 17, Tổ 8, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và theo biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn – Ông Nguyễn Thanh H, trình bày:

Ông và bà Lê Thị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P), thành phố B, tỉnh Đ ngày 06/06/2002, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn hòa hợp, yêu thương nhau. Nay, ông H xác định tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên xin ly hôn với bà Lê Thị L.

Về con chung: Ông và bà L có 03 con chung là cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 15/5/1994, cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 20/3/2002 và cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 21/7/2010. Hiện nay, cháu Q và cháu Q đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Q, khi ly

hôn, ông H đồng ý để bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q và đồng ý cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Bà Lê Thị L, trình bày:

Bà L thừa nhận quan hệ hôn nhân như ông Nguyễn Thanh H trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà xảy ra mâu thuẫn là do ông H có người phụ nữ khác ở bên ngoài, ông H đã bỏ đi 05 tháng nay không về nhà. Bà L xác định vẫn còn tình cảm với chồng nên không đồng ý ly hôn với ông H. Bà L muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về quan hệ hôn nhân: Bà L không đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà L và ông H có 03 con chung là cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 15/5/1994, cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 20/3/2002 và cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 21/7/2010. Hiện nay, cháu Q và cháu Q đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Q, nếu Tòa án vẫn giải quyết cho ly hôn, bà L đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh H; về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 21/7/2010 cho bà Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Sau khi ly hôn, ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì quyền lợi của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết; về án phí: ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Lê Thị L trình bày tại bản tự khai ngày 23/5/2023, hiện bà L đang cư trú tại số 17, Tổ 8, khu phố Tân Mai 2, phường P, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ theo điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân

sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông H, bà L. Tuy nhiên, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L có mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đ ngày 06/6/2002, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo các điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông H là có cơ sở chấp nhận vì:

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Thực tế, theo như ông H trình bày, cuộc sống hôn nhân của ông H, bà L không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm và tính cách, không còn yêu thương nhau nữa. Ông H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin được ly hôn với bà L.

Bà L trình bày tại Tòa án thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, mâu thuẫn này là do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài, không phụ giúp bà về tiền bạc, công việc gia đình và chăm sóc con cái. Tuy nhiên, bà xác định vẫn còn tình cảm với chồng nên không đồng ý ly hôn, bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà L, tại biên bản xác minh ngày 02/6/2023, địa phương cho biết về mâu thuẫn gia đình ông H, bà L thì địa phương không rõ vì quá trình chung sống ông H và bà L không trình báo với địa phương về việc có mâu thuẫn vợ chồng và cũng không yêu cầu địa phương giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng của ông H và bà L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên nền tảng bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng hiện nay ông H và bà L đã không còn quan tâm, chăm sóc, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Bà L cho rằng, ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài nên bỏ bê vợ con nhưng lại không có chứng cứ chứng minh. Bản thân ông H đã dọn ra ngoài sống hơn 05 tháng nay và không liên hệ gì với bà L. Cả hai không có biện pháp gì tích cực để hàn gắn lại tình cảm. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng ông H vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với bà L nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào các điều 51, 54, 56, 57, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ông Nguyễn Thanh H được ly hôn với bà Lê Thị L.

[4] Về con chung: Bà L và ông H có 03 con chung là cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 15/5/1994, cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 20/3/2022 và cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 21/7/2010.

Hiện nay, cháu Q và cháu Q đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 21/7/2010, hiện nay đã trên 7 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, nếu con trên 7 tuổi thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tại bản ngày ngày 12/6/2023, cháu Q có nguyện vọng được sống cùng với bà L. Đồng thời, ông H cũng đồng ý giao cháu Q cho bà L nuôi dưỡng, để không làm xáo trộn đời sống tâm sinh lý cũng như việc ăn ở, học hành của cháu Q nên cần thiết giao cháu Q cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định cha mẹ không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Qua làm việc tại Tòa án, cũng như xác minh tại địa phương thì hiện nay ông H làm nghề lái xe thu nhập không ổn định. Bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng nhưng bà L không chứng minh được thu nhập thực tế của ông H, còn ông H thì tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng nên cần được ghi nhận. Do đó, buộc ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Ông H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Ông H, bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông H, bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H được ly hôn với bà Lê Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 21/7/2010 cho bà Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông H, bà L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Ông H, bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0007495 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, ông H còn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Thanh H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Duyên